

HỢP ĐỒNG TIỀN GỬI RÚT VỐN LINH HOẠT

Số:

*Căn cứ các quy định pháp luật hiện hành;**Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai Bên,*

Hôm nay, ngày tháng năm, chúng tôi gồm các bên như sau:

I – THÔNG TIN CÁC BÊN

1	BÊN NHẬN GỬI TIỀN (Sau đây gọi tắt là Bên A)	
	Ngân hàng TMCP Nam Á -	
	Địa chỉ	
	Điện thoại/Fax	
	Đại diện bởi Ông/Bà	
	Chức vụ	
	Theo Giấy ủy quyền số	
2	BÊN GỬI TIỀN (Sau đây gọi tắt là Bên B)¹	
	❖ Dành cho tổ chức	
	Tên khách hàng	
	Mã khách hàng (CIF)	☐ Cư trú ☐ Không cư trú
	Giấy ĐKDN/GPĐT/GPTL	Số: Ngày cấp: / / Nơi cấp: Hiệu lực đến ngày:
	Mã số thuế	
	Địa chỉ	
	Điện thoại/Fax	
	Đại diện bởi Ông/Bà	☐ Nam ☐ Nữ
	Chức vụ	
	CMND/TCC/HC	Số: Ngày cấp: / / Nơi cấp:
	Quốc tịch	☐ Cư trú ☐ Không cư trú

¹ Nếu Bên gửi tiền là 01 chủ sở hữu: điền thông tin cá nhân hoặc tổ chức; Nếu bên gửi tiền là đồng chủ sở hữu (02 chủ sở hữu trở lên): điền thông tin của tất cả đồng chủ sở hữu, có thể thêm thông tin bên gửi tiền tương tự như mẫu.

Thị thực/Giấy tờ xác định thời hạn cư trú	Số: _____	Hiệu lực cư trú đến ngày:.....
Theo văn bản ủy quyền	Số: _____	Ngày: / /
❖ Dành cho cá nhân		
Họ và tên	☐ Nam ☐ Nữ	
Mã khách hàng (CIF)		
CMND/TCC/HC	Số: _____	Ngày cấp: / / Nơi cấp: _____
Quốc tịch	☐ Cư trú ☐ Không cư trú	
Thị thực/Giấy tờ xác định thời hạn cư trú	Số: _____	Hiệu lực cư trú đến ngày:.....
Địa chỉ thường trú		
Địa chỉ liên lạc		
Điện thoại		
Đại diện bởi Ông/Bà	☐ Nam ☐ Nữ	
CMND/TCC/HC/ Khai sinh (đối với cá nhân chưa đủ 14 tuổi)	Số: _____	Ngày cấp: / / Nơi cấp: _____
Quốc tịch	☐ Cư trú ☐ Không cư trú	
Thị thực/Giấy tờ xác định thời hạn cư trú	Số: _____	Hiệu lực cư trú đến ngày:.....
Theo văn bản ủy quyền	Số: _____	Ngày: / /

II - GIẢI THÍCH TỪ NGỮ VÀ VIẾT TẮT:

Trong Hợp đồng này các từ ngữ sau đây được hiểu và viết tắt như sau:

- Giấy tờ xác minh thông tin của Bên B là cá nhân là công dân Việt Nam** là Giấy chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu còn thời hạn hiệu lực hoặc Giấy khai sinh của cá nhân chưa đủ 14 tuổi.
- Giấy tờ xác minh thông tin của Bên B là cá nhân là người cư trú và cá nhân nước ngoài là người không cư trú:** là thị thực hoặc các giấy tờ khác xác định thời hạn được phép cư trú của cá nhân tại Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp còn thời hạn hiệu lực.
- Giấy tờ xác minh thông tin của Bên B là tổ chức:** bao gồm Quyết định thành lập hoặc Giấy phép hoạt động hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc các giấy tờ khác tương đương theo quy định của pháp luật.

III – NỘI DUNG THỎA THUẬN

Hai bên thỏa thuận ký Hợp đồng Tiền gửi rút vốn linh hoạt (sau đây gọi tắt là Hợp đồng) với những điều kiện và điều khoản sau:

ĐIỀU 1. NỘI DUNG GỬI TIỀN

Tên sản phẩm tiền gửi	Tiền gửi rút vốn linh hoạt										
Loại tiền	VND										
Số tiền gửi	Bằng số: Bằng chữ:										
Kỳ hạn gửi	tháng										
Ngày giá trị											
Ngày đáo hạn											
Phương thức trả lãi	Trả lãi cuối kỳ										
Lãi suất (*)											
Phương pháp tính lãi	Tiền lãi được tính theo công thức như sau:<table><tr><td>Số tiền từng lần rút trước hạn/ Số tiền duy trì đến ngày đáo hạn</td><td>x</td><td>Số ngày thực gửi</td><td>x</td><td>Lãi suất (%/năm)</td></tr><tr><td colspan="5">Số tiền lãi = 365 </td></tr></table> <u>Trong đó:</u> - Số tiền từng lần rút trước hạn/Số tiền duy trì đến ngày đáo hạn: là số tiền KH gửi tại Nam A Bank mà KH có thể rút trước hạn hoặc duy trì đến ngày đáo hạn; - Số ngày thực gửi: là số ngày thực tế mà KH duy trì Số tiền từng lần rút trước hạn/Số tiền duy trì đến ngày đáo hạn tại Nam A Bank; - Lãi suất là: + Lãi suất (*) đối với số tiền duy trì đến ngày đáo hạn; hoặc + Lãi suất tiền gửi có kỳ hạn do Nam A Bank công bố hoặc lãi suất thỏa thuận tại thời điểm tái tục; hoặc + Lãi suất tiền gửi không kỳ hạn do Nam A Bank công bố tại thời điểm rút/tắt toán trước hạn đối	Số tiền từng lần rút trước hạn/ Số tiền duy trì đến ngày đáo hạn	x	Số ngày thực gửi	x	Lãi suất (%/năm)	Số tiền lãi = 365				
Số tiền từng lần rút trước hạn/ Số tiền duy trì đến ngày đáo hạn	x	Số ngày thực gửi	x	Lãi suất (%/năm)							
Số tiền lãi = 365											

với số tiền từng lần rút trước hạn (một phần hoặc toàn bộ).

ĐIỀU 2. THÔNG TIN TÀI KHOẢN THANH TOÁN

Bên B đồng ý cho Bên A thực hiện các giao dịch:

1. Trích tiền từ tài khoản thanh toán để gửi vào tài khoản tiền gửi có kỳ hạn với số tiền (*Bằng số*):

(*Bằng chữ*):

Chi tiết thông tin tài khoản thanh toán của Bên B như sau:

- Tên Tài khoản:
- Số Tài khoản:
- Nơi mở: Nam A Bank – CN/PGD:.....

2. Nhận thanh toán tiền gốc, lãi liên quan đến Hợp đồng này thông qua tài khoản thanh toán.

Chi tiết thông tin tài khoản thanh toán của Bên B như sau:

- Tên Tài khoản:
- Số Tài khoản:
- Nơi mở: Nam A Bank – CN/PGD:.....

ĐIỀU 3. PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN GỐC VÀ LÃI

1. Thanh toán gốc, lãi khi đến hạn:

☐ Không tái tục Hợp đồng. Bên A thanh toán toàn bộ gốc và lãi cho Bên B vào tài khoản thanh toán có thông tin chi tiết như tại Khoản 2 Điều 2 Mục này.

☐ Tái tục Hợp đồng: tiền gửi có kỳ hạn của Bên B theo Hợp đồng này sẽ được tái tục kỳ hạn mới với các nội dung như sau:

a. Số tiền tái tục:

☐ Chỉ tái tục gốc, tiền lãi thanh toán vào tài khoản thanh toán có thông tin chi tiết như tại Khoản 2 Điều 2 Mục này.

☐ Tái tục gốc và lãi.

b. Kỳ hạn tái tục: bằng kỳ hạn cũ theo Hợp đồng này hoặc chuyển sang kỳ hạn ngắn hơn liền kề và theo phương thức lãnh lãi cuối kỳ nếu tại thời điểm tái tục, Bên A ngưng huy động loại kỳ hạn mà Bên B đã gửi trước đó.

c. Lãi suất tái tục: bằng lãi suất tương ứng của kỳ hạn tái tục Bên A công bố hoặc lãi suất thỏa thuận tại thời điểm tái tục.

2. Vào ngày đáo hạn, nếu hai Bên có thỏa thuận về lãi suất hoặc thỏa thuận kỳ hạn khác với nội dung nêu tại Khoản 1 Điều này thì hai Bên ký Phụ lục Hợp đồng.

3. Trường hợp vào ngày đến hạn, Bên A không còn cung cấp sản phẩm Tiền gửi Rút Vốn Linh Hoạt thì Hợp đồng này được chuyển sang Tiền gửi có

	kỳ hạn lĩnh lãi cuối kỳ với kỳ hạn mới tương đương kỳ hạn đã đăng ký ban đầu hoặc kỳ hạn ngắn hơn liền kề nếu Bên A không huy động Tiền gửi có kỳ hạn giống kỳ hạn cũ và hưởng lãi suất theo quy định của Bên A tại thời điểm tái tục. 4. Nếu ngày đáo hạn của Hợp đồng này rơi vào ngày nghỉ/ngày lễ, Bên A thực hiện chi trả gốc, lãi vào ngày làm việc liền kề sau ngày nghỉ/ngày lễ và số ngày phát sinh thêm kể từ ngày đáo hạn hưởng lãi suất không kỳ hạn tại thời điểm tất toán. Trường hợp Bên B có nhu cầu rút gốc, lãi vào ngày làm việc liền kề trước ngày nghỉ/ngày lễ xem như Bên B thanh lý Hợp đồng trước hạn và hưởng lãi suất không kỳ hạn tại thời điểm tất toán. 5. Trường hợp vào các ngày đáo hạn, kỳ hạn tái tục tiếp theo của Hợp đồng vượt quá thời hạn hiệu lực còn lại của Giấy tờ xác minh thông tin của Bên B như tại Khoản 2, Khoản 3 Mục II Hợp đồng này, Hợp đồng sẽ không được tái tục kỳ hạn tiếp theo. Bên A sẽ thanh toán toàn bộ gốc, lãi (nếu có) của Hợp đồng vào tài khoản thanh toán của Bên B có thông tin như tại Khoản 2 Điều 2 Mục này. 6. Loại tiền thanh toán gốc,lãi là Đồng Việt nam.
ĐIỀU 4. GỬI THÊM TIỀN GỐC, RÚT GỐC TRƯỚC HẠN	
	1. Bên B không được gửi thêm tiền gốc trong suốt kỳ hạn gửi. 2. Trong thời gian gửi, Bên B được rút một phần hoặc toàn bộ số tiền gốc quy định tại Điều 1 Mục này và được rút thành một hoặc nhiều lần. Trường hợp Bên B rút toàn bộ số tiền gốc trước hạn hoặc số dư trên Tài khoản tiền gửi rút vốn linh hoạt không duy trì đủ số dư tối thiểu là 10.000.000đ (Mười triệu đồng), xem như Bên B tất toán Hợp đồng trước hạn. 3. Số tiền gốc tối thiểu mỗi lần rút là 1.000.000 đ (Một triệu đồng). 4. Khi phát sinh rút gốc trước hạn, Bên B lập <i>Giấy đề nghị rút/tất toán tiền gửi</i> theo mẫu của Bên A và phải thông báo cho Bên A biết trước ít nhất 01 (một) ngày làm việc. Trường hợp Bên B không thông báo hoặc thông báo không đúng quy định Bên A có quyền trì hoãn giao dịch.
ĐIỀU 5. PHÍ ÁP DỤNG	
	1. Phí phát sinh đối với các dịch vụ liên quan đến tiền gửi có kỳ hạn được thu theo quy định tại biểu phí dịch vụ của Bên A ban hành từng thời kỳ. 2. Phương thức thu phí: ☐ Ghi Nợ từ tài khoản thanh toán số của Bên B mở tại Ngân hàng TMCP Nam Á -
ĐIỀU 6. CẦM CỐ VÀ CHUYỂN NHƯỢNG HỢP ĐỒNG	
	1. Cầm cố: a. Bên B có thể cầm cố Hợp đồng tại Nam A Bank và/hoặc tại Tổ chức tín

	dụng (TCTD) khác theo quy định của Nam A Bank trong từng thời kỳ. b. Trong trường hợp Bên B cầm cố Hợp đồng tại TCTD khác, Bên A sẽ thực hiện phong tỏa và cấp xác nhận đã phong tỏa tài khoản tiền gửi của Bên B cho TCTD đó theo đề nghị của TCTD có Bên B xác nhận. 2. Chuyển nhượng: Thực hiện theo quy định của Bên A trong từng thời kỳ.
ĐIỀU 7. XỬ LÝ CÁC TRƯỜNG HỢP RỦI RO	
	1. Trường hợp Tài khoản thanh toán như tại Khoản 2 Điều 2 Mục này của Bên B bị phong tỏa, đóng, tạm khóa và các trường hợp thay đổi tình trạng Tài khoản thanh toán khác dẫn đến Bên A không thể thực hiện chuyển trả tiền gốc, lãi (nếu có) của Hợp đồng vào Tài khoản thanh toán của Bên B: Vào ngày đến hạn thanh toán gốc, lãi, Bên A sẽ thực hiện treo toàn bộ gốc, lãi vào tài khoản treo chờ trả cho đến khi Bên B thực hiện yêu cầu thanh toán theo quy định. Bên A sẽ không chi trả lãi phát sinh đối với số tiền này. 2. Trường hợp Hợp đồng bị mất/rách/nhàu nát không còn nhận dạng được: a. Ngay khi Hợp đồng bị mất/rách/nhàu nát, Bên B thông báo bằng văn bản theo mẫu <i>Giấy báo</i> về việc Hợp đồng bị mất/rách/nhàu nát của Bên A hoặc bằng điện thoại đến Bên A. Trường hợp Bên B thông báo bằng điện thoại, Bên B phải bổ sung bản chính <i>Giấy báo</i> về việc Hợp đồng bị mất/rách/nhàu theo quy định của Bên A. Bên A sẽ tiến hành phong tỏa tài khoản tiền gửi rút vốn linh hoạt. Trường hợp Bên B không báo kịp thời, bị kẻ gian lợi dụng, Bên A sẽ không chịu trách nhiệm. b. Sau 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày Bên A nhận được thông báo mất/rách/nhàu nát Hợp đồng, nếu không có bất kỳ tranh chấp, khiếu nại: Bên B có thể yêu cầu Bên A thanh toán tiền gốc, lãi (nếu có) của Hợp đồng theo quy định của Bên A; hoặc Bên B có thể yêu cầu tái cấp Hợp đồng bằng văn bản, khi đó Bên A thực hiện cung cấp <i>sao y bản chính</i> Hợp đồng cho Bên B. c. <i>Giấy báo</i> về việc Hợp đồng bị mất/rách/nhàu nát là hồ sơ bắt buộc đối với các giao dịch có liên quan đến Hợp đồng báo mất/rách/nhàu nát. d. Trường hợp Bên B làm mất <i>Giấy báo</i> về việc HĐTG bị mất/rách/nhàu nát, Bên B phải lập văn bản cam kết và cung cấp hồ sơ có liên quan để được thanh toán Hợp đồng theo quy định của Bên A. 3. Trường hợp Bên B tìm lại được Hợp đồng đã báo mất: a. Ngay khi tìm lại được Hợp đồng đã báo mất trước đó, Bên B lập và gửi cho Bên A <i>Giấy đề nghị hủy thông báo mất Hợp đồng tiền gửi</i> theo mẫu của Bên A. b. Bên A tiến hành kiểm tra, đối chiếu đảm bảo khớp đúng nội dung Hợp đồng do Bên B cung cấp với bản lưu tại Bên A và thực hiện gỡ phong

	tỏa tài khoản tiền gửi rút vốn linh hoạt. c. Các trường hợp rủi ro khác, tùy từng trường hợp cụ thể, Nam A Bank sẽ giải quyết trên cơ sở đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các Bên liên quan. d. Việc xử lý các tranh chấp liên quan đến Hợp đồng được thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật.
ĐIỀU 8. TRA CỨU TÀI KHOẢN TIỀN GỬI	
	Bên B có thể thực hiện tra cứu tiền gửi rút vốn linh hoạt tại Bên A thông qua các hình thức sau: 1. Tổng đài điện thoại 1900 6679 (có ghi âm, hoạt động 24/7); 2. Tại các địa điểm giao dịch của Bên A; 3. Tra cứu bằng QR Code; 4. Thông qua kênh điện tử: Mobile Banking, Open Banking, Internet Banking và các kênh giao dịch điện tử khác theo quy định Bên A từng thời kỳ. 5. Các kênh tra cứu tài khoản tiền gửi khác theo quy định của Nam A bank từng thời kỳ.
ĐIỀU 9. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN	
	1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A: a. Yêu cầu Bên B thực hiện các nghĩa vụ đã cam kết trong Hợp đồng này. b. Thanh toán đầy đủ, đúng hạn cả gốc và lãi cho Bên B theo đúng quy định tại Hợp đồng này. c. Cung cấp các thông tin liên quan đến khoản tiền gửi theo yêu cầu của Bên B. d. Bảo đảm bí mật thông tin về tiền gửi theo quy định của pháp luật. e. Thực hiện đúng cam kết tại Hợp đồng này. f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật. 2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B: a. Yêu cầu Bên A thực hiện các nghĩa vụ đã cam kết trong Hợp đồng này. b. Chuyển số tiền đã cam kết gửi cho Bên A theo đúng số lượng và thời hạn đã thỏa thuận. c. Bên B được hưởng lãi tiền gửi theo lãi suất thỏa thuận với Bên A trong Hợp đồng này kể từ ngày giá trị như quy định tại Điều 1 Mục này. d. Được yêu cầu Bên A cung cấp thông tin liên quan đến Tài khoản tiền gửi. e. Chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của số tiền gửi tại Bên A. f. Được sử dụng số dư tiền gửi làm tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật.

	g. Thực hiện đúng cam kết tại Hợp đồng này. h. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.		
ĐIỀU 10. THỜI HẠN HIỆU LỰC VÀ THANH LÝ HỢP ĐỒNG			
	- Vào ngày giá trị xác định tại Điều 1 Mục này, nếu Bên A chưa nhận hoặc nhận không đủ số tiền gửi như thỏa thuận thì Hợp đồng này mặc nhiên không có hiệu lực, Bên B sẽ không được hưởng bất kỳ một khoản tiền lãi nào trên số tiền đã nộp hoặc chuyển tới Bên A (nếu có). - Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và mặc nhiên hết hiệu lực khi : - Toàn bộ nghĩa vụ của các Bên theo Hợp đồng này và các Phụ lục sửa đổi, bổ sung (nếu có) đã được hoàn thành; - Bên A đã hoàn thành thanh toán gốc, lãi (nếu có) liên quan đến Hợp đồng này vào tài khoản thanh toán của Bên B do thời hạn gửi tiền của Bên B vượt quá thời hạn hiệu lực còn lại của Giấy tờ xác minh thông tin của Bên B; - Các Bên đồng ý bằng văn bản về việc chấm dứt Hợp đồng này trước thời hạn; - Một trong các Bên bị giải thể, phá sản hoặc bị chấm dứt hoạt động theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; - Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.		
ĐIỀU 11. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH			
	- Hợp đồng này là căn cứ để Bên A thực hiện giao dịch liên quan đến Tiền gửi rút vốn linh hoạt của Bên B. - Mọi sửa đổi, bổ sung các nội dung trên Hợp đồng này phải được sự nhất trí bằng văn bản của các Bên và phải được lập thành các Phụ lục Hợp đồng. Phụ lục Hợp đồng và các tài liệu kèm theo (nếu có) là một bộ phận không thể tách rời Hợp đồng này, các Bên phải có nghĩa vụ chấp hành. - Bất kỳ tranh chấp nào phát sinh từ Hợp đồng này mà hai Bên không thể giải quyết được bằng thương lượng, thì tranh chấp sẽ được đưa ra giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền của Việt Nam theo pháp luật Việt Nam. - Hợp đồng này được lập thành 02 (hai) bản có giá trị như nhau, mỗi Bên giữ 01 (một) bản để làm cơ sở thực hiện.		
	<table border="1"> <tr> <td data-bbox="304 1704 722 2074"> ĐẠI DIỆN BÊN A (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu) </td><td data-bbox="722 1704 1444 2074"> ĐẠI DIỆN BÊN B (Cá nhân) (Ký, ghi rõ họ tên) </td></tr> </table>	ĐẠI DIỆN BÊN A (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)	ĐẠI DIỆN BÊN B (Cá nhân) (Ký, ghi rõ họ tên)
ĐẠI DIỆN BÊN A (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)	ĐẠI DIỆN BÊN B (Cá nhân) (Ký, ghi rõ họ tên)		

		(Tổ chức) Kế toán trưởng (Ký, ghi rõ họ tên) Người đại diện (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)
--	--	--